

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc các
Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh a) Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện: Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; Dự án phát triển sản xuất cộng đồng; Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại Điều 26, Điều 30 và Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. b) Những nội dung khác không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.	Căn cứ pháp lý: Điều 26, Điều 30 và Điều 35; điểm d, khoản 1 Điều 56 Nghị định 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
2	2. Đối tượng áp dụng Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Quy định đối với cơ quan, đơn vị quản lý; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan đến thực hiện các dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu
3	Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ	

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
	1. Việc hỗ trợ phải đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, điều kiện hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các Chương trình mục tiêu quốc gia.	Nhằm bảo đảm việc triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất tuân thủ đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm nguồn vốn hỗ trợ được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng thụ hưởng, đúng nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.
	2. Mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này là mức hỗ trợ tối đa; việc hỗ trợ cụ thể căn cứ khả năng cân đối ngân sách; nguồn vốn được giao hằng năm; quy mô, tính chất và hiệu quả của từng dự án. Phần kinh phí còn lại do các đối tượng tham gia dự án đối ứng và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.	Nhằm tạo cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền chủ động quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước của giai đoạn, nguồn vốn được giao hằng năm, quy mô và hiệu quả của từng dự án; đồng thời bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, quy định trách nhiệm đối ứng và huy động thêm nguồn lực hợp pháp khác của các đối tượng tham gia dự án nhằm phát huy tính chủ động, nâng cao trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình thực hiện dự án; hạn chế tâm lý trông chờ hoàn toàn vào ngân sách nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả, tính bền vững và khả năng nhân rộng của dự án.
	3. Một đối tượng, một nội dung hỗ trợ không được đồng thời hưởng từ nhiều nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án khác nhau. Trường hợp một đối tượng thuộc nhiều nhóm đối tượng hỗ trợ thì được áp dụng mức hỗ trợ cao nhất.	Nhằm tránh trùng lặp, chồng chéo trong sử dụng ngân sách nhà nước giữa các chương trình, dự án và chính sách hỗ trợ khác nhau; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong tiếp cận chính sách hỗ trợ. Đồng thời, quy định trường hợp một đối tượng thuộc nhiều nhóm đối tượng hỗ trợ thì được áp dụng mức hỗ trợ cao nhất nhằm bảo đảm quyền lợi cho đối tượng thụ hưởng, nhất là các nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo và các đối tượng chính sách.
	4. Mức hỗ trợ đối với các đối tượng tham gia dự án phải căn cứ nội dung hỗ trợ, phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và không vượt quá mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng dự án.	Quy định việc xác định mức hỗ trợ đối với các đối tượng tham gia dự án phải bảo đảm không vượt tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng dự án theo quy định nhằm bảo đảm việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đúng quy định, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn và tỷ lệ hỗ trợ của từng loại dự án. Nguyên tắc này là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, phân bổ mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án phù hợp với nội dung hỗ trợ, quy mô dự án, số lượng đối tượng thụ hưởng và nguồn vốn được giao; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong tổ chức thực hiện, tránh tình trạng tổng kinh phí hỗ trợ vượt mức hỗ trợ tối đa của dự án theo quy định.

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
	5. Ưu tiên xem xét hỗ trợ đối với các dự án thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao và các địa bàn trọng điểm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo khả năng cân đối nguồn lực.	Nhằm tập trung nguồn lực hỗ trợ cho các địa bàn còn nhiều khó khăn, khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân. Đồng thời đa dạng hóa nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong tổ chức thực hiện dự án; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa còn góp phần mở rộng quy mô dự án, tăng khả năng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của các đối tượng tham gia trong quá trình triển khai thực hiện dự án.
4	Điều 3. Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất 1. Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị a) Mức hỗ trợ 01 dự án: Hỗ trợ 90% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án.	Cơ sở, lý do đề xuất: Nghị định số 358/2025/NĐ-CP giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và khả năng cân đối nguồn lực ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lai Châu thực hiện theo Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND với mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 80% tổng kinh phí dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, 70% trên địa bàn khó khăn và 50% trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia. Qua thực hiện đã triển khai 40 dự án, kế hoạch liên kết sản xuất với tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 200 tỷ đồng; các dự án bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao thu nhập cho người dân và tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với người sản xuất. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy số lượng dự án liên kết còn ít, quy mô sản xuất còn nhỏ; việc thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia chủ trì liên kết còn hạn chế; khả năng huy động vốn đối ứng của người dân, đặc biệt tại các xã vùng sâu, vùng xa, xã biên giới, địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao còn thấp. Đây là một trong những nguyên nhân làm hạn chế khả năng mở rộng và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Tỉnh Lai Châu là tỉnh miền núi, biên giới, địa hình chia cắt, chi phí sản xuất và tổ chức liên kết cao; phần lớn đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số, khả năng tích lũy và đối ứng vốn còn hạn chế. Vì vậy, việc nâng mức hỗ trợ tối đa đối với dự án liên kết theo chuỗi giá trị lên 90% tổng kinh phí thực hiện dự

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
		án là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia dự án, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã mở rộng liên kết với người dân. Mức hỗ trợ 90% vẫn bảo đảm nguyên tắc Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần vốn thực hiện dự án; các chủ thể tham gia dự án vẫn phải bố trí phần vốn đối ứng và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện dự án, qua đó nâng cao trách nhiệm, hiệu quả sử dụng vốn và tính bền vững của mô hình liên kết. Việc đề xuất mức hỗ trợ tối đa 90% tổng kinh phí thực hiện dự án được kỳ vọng sẽ góp phần mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa, phát triển các chuỗi liên kết bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.
	b) Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án: - Chủ trì liên kết (Doanh nghiệp; Hợp tác xã; Liên hiệp HTX): Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các hoạt động tư vấn, xây dựng liên kết theo nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án.	Cơ sở, lý do đề xuất: Các hoạt động tư vấn, xây dựng liên kết gồm khảo sát nhu cầu thị trường; xây dựng hợp đồng liên kết; xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh; phát triển vùng nguyên liệu; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng; phát triển thương hiệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đây là các hoạt động có tính chất khởi tạo chuỗi liên kết, phục vụ lợi ích chung của tất cả các bên tham gia dự án, không chỉ riêng chủ trì liên kết. Thực tiễn cho thấy việc hình thành và duy trì các chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp đòi hỏi chi phí tư vấn, xây dựng phương án liên kết tương đối lớn, trong khi phần lớn doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, năng lực tài chính còn hạn chế. Nếu không có cơ chế hỗ trợ phù hợp sẽ khó thu hút các đơn vị tham gia làm chủ trì liên kết. Vì vậy, đề xuất hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các hoạt động tư vấn, xây dựng liên kết nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia xây dựng và mở rộng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất, tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và phát triển vùng nguyên liệu tập trung. Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án được xác định trên cơ sở kế thừa chính sách hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trước đây (<i>khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, đồng thời điều chỉnh phù hợp với quy mô triển khai dự án trong giai đoạn 2026–2030: “Chủ trì liên kết được ngân sách nhà</i>

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
		<i>nước hỗ trợ một lần 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết (bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, phát triển thị trường), tối đa không quá 300 triệu đồng.”), đồng thời điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển các chuỗi liên kết có quy mô lớn hơn, phạm vi liên kết rộng hơn và yêu cầu cao hơn về khảo sát thị trường, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, phát triển thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm trong giai đoạn 2026-2030.</i> Bên cạnh đó tại khoản 1, Điều 11, dự thảo Nghị định về phát triển liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững (Nghị định thay thế Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp): “1. Nội dung hỗ trợ: Chủ trì liên kết được nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn để phát triển liên kết, tối đa không quá 500 triệu đồng, bao gồm nghiên cứu thị trường, phân tích nhu cầu tiêu thụ sản phẩm; xây dựng hợp đồng, kế hoạch liên kết; xây dựng phương án tổ chức sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu; xây dựng phương án thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát triển thương hiệu.”.
	- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Cơ sở, lý do đề xuất: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo và hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng là các đối tượng được ưu tiên trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP (2. Các dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số....). Đây cũng là nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn, khả năng huy động nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất còn hạn chế. Thực tiễn trên địa bàn tỉnh Lai Châu cho thấy đa số các hộ thuộc nhóm đối tượng này có quy mô sản xuất nhỏ, khả năng đối ứng thấp. Việc hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ tạo điều kiện để người dân tham gia dự án, tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
		Mức hỗ trợ đề xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và bảo đảm nguyên tắc tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không vượt quá mức hỗ trợ tối đa đối với từng loại dự án theo quy định của Nghị quyết.
	- Các tổ hợp tác, nhóm cộng đồng, các hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Cơ sở, lý do đề xuất: Tổ hợp tác, nhóm cộng đồng và các hộ gia đình còn lại là các đối tượng trực tiếp tham gia sản xuất trong chuỗi liên kết nhưng không thuộc nhóm đối tượng ưu tiên được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù của các Chương trình mục tiêu quốc gia. Nhóm đối tượng này có điều kiện sản xuất và khả năng huy động nguồn lực tốt hơn so với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng ưu tiên khác. Đồng thời nhóm đối tượng này có là lực lượng trực tiếp tổ chức sản xuất, tạo ra sản phẩm, duy trì vùng nguyên liệu và thực hiện các cam kết liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã và có vai trò hỗ trợ, dẫn dắt các đối tượng yếu thế. Sự tham gia ổn định của nhóm đối tượng này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quy mô sản xuất, chất lượng sản phẩm, sản lượng hàng hóa và tính bền vững của chuỗi liên kết. Việc đề xuất mức hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo điều kiện cho người dân tham gia các dự án liên kết theo chuỗi giá trị, đồng thời yêu cầu các đối tượng tham gia đối ứng một phần kinh phí (20%) để nâng cao trách nhiệm, tính chủ động và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ. Mức hỗ trợ này bảo đảm tương quan với mức hỗ trợ 100% đối với nhóm đối tượng ưu tiên.
	- Các doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã tham gia dự án: Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Cơ sở, lý do đề xuất: Việc quy định mức hỗ trợ này bảo đảm đúng đối tượng được hỗ trợ theo khoản 14 Điều 3 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, theo đó ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho chủ trì liên kết và các bên liên kết thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.... Doanh nghiệp, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã tham gia dự án là các chủ thể có tư cách pháp nhân, có điều kiện thuận lợi hơn về năng lực tài chính, cơ sở vật chất, trình độ quản lý, khả năng tiếp cận tín dụng và huy động các nguồn lực hợp pháp khác so với hộ gia đình và các đối tượng ưu tiên của Chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng thời, đây cũng là nhóm đối tượng trực tiếp hưởng lợi từ việc mở rộng sản xuất, phát triển thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua dự án liên kết.

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
		Việc đề xuất mức hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm bảo đảm nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ một phần vốn, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động bố trí nguồn lực đối ứng, nâng cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ. Mức hỗ trợ này vừa tạo động lực thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, vừa bảo đảm ưu tiên tập trung nguồn lực ngân sách nhà nước cho các nhóm đối tượng yếu thế, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng ưu tiên khác theo mục tiêu của các Chương trình mục tiêu quốc gia. Việc quy định mức hỗ trợ 50% cũng góp phần huy động nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả liên kết và bảo đảm tính bền vững của chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh.
	2. Dự án phát triển sản xuất cộng đồng a) Mức hỗ trợ 01 dự án: Hỗ trợ 95% tổng kinh phí thực hiện 01 dự án.	Cơ sở, lý do đề xuất: Trên cơ sở mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; Mức hỗ trợ được đề xuất trên cơ sở kế thừa cơ chế hỗ trợ đối với dự án phát triển sản xuất cộng đồng đã được quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ban hành quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu: “<i>Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ trên địa bàn đặc biệt khó khăn; 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ trên địa bàn khó khăn; 60% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất, dịch vụ trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia...</i>”. Trong giai đoạn 2021-2025, các dự án phát triển sản xuất cộng đồng đã góp phần hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, đa số đối tượng tham gia dự án ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế khó khăn, khả năng huy động vốn đối ứng còn hạn chế; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, năng lực tổ chức sản xuất và khả năng tiếp cận thị trường còn thấp.

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
		Do đó, việc đề xuất mức hỗ trợ tối đa 95% tổng kinh phí thực hiện dự án nhằm tạo điều kiện cho người dân tham gia phát triển sản xuất, giảm khó khăn về vốn đối ứng, mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao hiệu quả thực hiện dự án. Đồng thời, vẫn bảo đảm nguyên tắc người dân và cộng đồng tham gia có đối ứng 5% kinh phí để nâng cao trách nhiệm và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ. Việc quy định mức hỗ trợ tối đa 95% tổng kinh phí thực hiện dự án góp phần hỗ trợ phát triển sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; tăng khả năng tiếp cận chính sách của các đối tượng thụ hưởng Chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.
	b) Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án: - Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Cơ sở, lý do đề xuất: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, trong đó quy định ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: “<i>Các dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số...</i>”. Đây là nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn, nguồn lực sản xuất hạn chế, khả năng tích lũy và huy động vốn đối ứng thấp, do đó gặp nhiều khó khăn trong việc tham gia các hoạt động phát triển sản xuất. Việc quy định mức hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo điều kiện để các đối tượng này tiếp cận tư liệu sản xuất, giống, vật tư, khoa học kỹ thuật và các điều kiện cần thiết khác để phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và từng bước thoát nghèo bền vững. Mức hỗ trợ 100% thể hiện nguyên tắc ưu tiên nguồn lực đối với các đối tượng yếu thế, phù hợp mục tiêu giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội và khuyến khích người dân tích cực tham gia các dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng thời, tỉnh Lai Châu là tỉnh miền núi, biên giới, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, điều kiện sản xuất và khả năng huy động nguồn lực đối ứng của các hộ dân còn nhiều hạn chế. Do đó, việc áp dụng mức hỗ trợ 100% đối với các nhóm đối

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
		tượng ưu tiên là cần thiết nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận chính sách, nâng cao hiệu quả thực hiện dự án và góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.
	- Đối với Tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Cơ sở, lý do đề xuất: Các đối tượng là tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại không thuộc nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo hoặc các đối tượng ưu tiên khác. Tuy nhiên, phần lớn các hộ dân trên địa bàn tỉnh Lai Châu vẫn sản xuất quy mô nhỏ lẻ, điều kiện kinh tế còn hạn chế, khả năng huy động nguồn lực đối ứng để tham gia dự án chưa cao. Trong quá trình triển khai dự án phát triển sản xuất, các đối tượng này có vai trò quan trọng trong việc tổ chức sản xuất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất, hình thành các mô hình liên kết và lan tỏa kinh nghiệm sản xuất tới cộng đồng dân cư. Việc hỗ trợ kinh phí cho nhóm đối tượng này là cần thiết nhằm khuyến khích người dân tham gia dự án, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư của Nhà nước và tăng khả năng nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Mức hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm nguyên tắc các đối tượng tham gia dự án cùng có trách nhiệm đóng góp nguồn lực để thực hiện dự án, đồng thời vẫn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội thực tế của địa phương. Việc yêu cầu đối tượng tham gia đối ứng 10% kinh phí còn góp phần nâng cao trách nhiệm trong quản lý, sử dụng nguồn lực hỗ trợ, hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào ngân sách nhà nước. Mức hỗ trợ này thấp hơn mức hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng ưu tiên, bảo đảm nguyên tắc ưu tiên nguồn lực ngân sách nhà nước cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người có công với cách mạng và các đối tượng yếu thế; đồng thời vẫn tạo động lực thu hút các hộ có năng lực sản xuất tham gia dự án, góp phần nâng cao tính bền vững, hiệu quả và khả năng nhân rộng của các mô hình phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.
	3. Định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công	Cơ sở, lý do đề xuất: Căn cứ quy định tại Điều 34, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: <i>“1. Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng một trong các trường hợp sau:</i> <i>a) Cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đã xem xét khả năng áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cơ chế hỗ trợ phát</i>

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
	nhận thoát nghèo); phụ nữ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	<i>triển sản xuất cộng đồng nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư;</i> <i>b) Thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường hoặc hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế;</i> <i>c) Thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;</i> <i>d) Thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.</i> <i>2. Dự án thực hiện theo cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phải bảo đảm tối thiểu 70% phần kinh phí thực hiện dự án hỗ trợ trực tiếp cho thực hiện các hoạt động sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ của người dân.”.</i> Căn cứ khoản 1, Điều 34 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng trong các trường hợp cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đã xem xét khả năng áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc thực hiện các dự án hỗ trợ người dân chịu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; hoặc hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế; hoặc hỗ trợ sản xuất gắn với quốc phòng, an ninh, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu hoặc thực hiện các mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới. Đây là loại hình dự án có tính chất đặc thù, được triển khai trong những trường hợp người dân gặp nhiều khó khăn hoặc chưa đủ điều kiện để tham gia các hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất khác. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo và hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng, đây là nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế còn khó khăn, nguồn lực sản xuất hạn chế, khả năng huy động vốn đối ứng thấp, đồng thời dễ bị tác động bởi các yếu tố bất lợi như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và biến động thị trường. Việc quy định mức hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt là cần thiết nhằm bảo đảm các đối tượng này có đủ điều kiện tham gia dự án, tiếp cận giống, vật tư, thiết bị, khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất mới và các điều kiện cần thiết

Stt	Nội dung dự thảo	Thuyết minh
		khác để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm an sinh xã hội và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh
	b) Đối với Tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Cơ sở, lý do đề xuất: Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ được áp dụng đối với các trường hợp cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đã xem xét khả năng áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc thực hiện các dự án hỗ trợ người dân chịu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế; hoặc thực hiện các mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới. Tổ hợp tác, nhóm hộ và các hộ gia đình còn lại là lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất, duy trì và phát triển các mô hình sản xuất được hỗ trợ từ dự án. Mặc dù không thuộc nhóm đối tượng ưu tiên, nhưng đây vẫn là đối tượng tham gia thực hiện dự án đặc thù, đồng thời phần lớn nhóm đối tượng này vẫn có điều kiện kinh tế còn khó khăn, quy mô sản xuất nhỏ, khả năng huy động nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất còn hạn chế. Việc quy định mức hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo điều kiện để người dân tham gia dự án, tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất, đồng thời yêu cầu đối tượng tham gia đối ứng 10% kinh phí để nâng cao trách nhiệm, tính chủ động và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ. Mức hỗ trợ này bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tạo sự khác biệt hợp lý với mức hỗ trợ áp dụng đối với các nhóm đối tượng ưu tiên, đồng thời góp phần duy trì và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, nâng cao hiệu quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

